

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

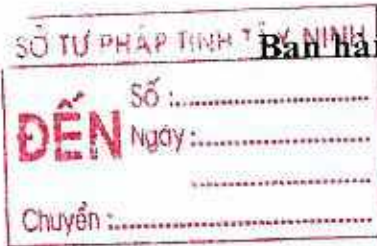
Số: 09 /2016/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ về quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 36/2005/TT-BNV ngày 06 tháng 4 năm 2005 của Bộ Nội vụ về xếp hạng Ban quản lý Khu Công nghiệp, Ban quản lý Khu Kinh tế, Ban quản lý Khu Kinh tế mở, Ban quản lý Khu Kinh tế cửa khẩu, Ban quản lý Khu Kinh tế - Thương mại, Ban quản lý Khu Công nghệ cao và các Ban quản lý có tên gọi khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và bãi bỏ những nội dung liên quan đến việc phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế tại Chương I; Chương II Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các ngành chức năng có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Lu*

- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- ĐĐBQH đơn vị tỉnh TN;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Sở Nội vụ;
- LĐVP; PNC;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

70

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Tân

QUY ĐỊNH

**Về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế
thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2016/QĐ-UBND ngày
24 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: quy định này phân cấp việc quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.
2. Đối tượng áp dụng
 - a) Các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - b) Các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện);
 - c) Các tổ chức hành chính, cơ quan hành chính thuộc cơ quan chuyên môn và tương đương: phòng chuyên môn, ban, chi cục;
 - d) Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, biên chế trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị về thực hiện công tác tổ chức, sử dụng quản lý biên chế.
2. Phân cấp phải gắn với công tác kiểm tra, báo cáo; các quyết định có liên quan đến quản lý tổ chức bộ máy, biên chế thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp phải được báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp chung.

Chương II

NỘI DUNG PHÂN CẤP

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Đối với tổ chức hành chính, cơ quan hành chính: Thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, tổ chức lại, giải thể, đổi tên; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy; xếp hạng.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp: Thành lập, tổ chức lại, giải thể, đổi tên; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy, quy chế tổ chức và hoạt động; xếp hạng.

3. Đối với tổ chức tư vấn liên ngành: Thành lập, kiện toàn, giải thể, đổi tên; ban hành quy chế tổ chức và hoạt động.

4. Đối với các tổ chức trong nước: Cho phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện.

Điều 4. Quản lý sử dụng biên chế

1. Xây dựng kế hoạch biên chế theo vị trí việc làm.

2. Quản lý và sử dụng biên chế, vị trí việc làm.

3. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo.

4. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng biên chế.

5. Định biên đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ về tổ chức bộ máy, biên chế.

6. Xác định lao động đối với các đơn vị sự nghiệp đặc thù do tỉnh thành lập.

Chương III

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định cho phép các tổ chức trong nước đặt văn phòng đại diện và chi nhánh tại địa phương theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định thành lập, kiện toàn, bổ sung, thay đổi thành viên, giải thể các tổ chức mang tính phối hợp liên ngành cấp tỉnh, gồm: Hội đồng, Ban chỉ đạo, Ban quản lý dự án, Ban điều hành.

4. Quyết định xếp hạng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

5. Báo cáo Bộ Nội vụ kế hoạch biên chế công chức, tổng hợp đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh hàng năm theo quy định.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý biên chế công chức, viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, đổi tên các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thẩm định đề án, dự thảo quyết định thành lập, kiện toàn, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, đổi tên các tổ chức hành chính, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thẩm định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức hành chính, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ngành tỉnh theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

4. Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xếp hạng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

5. Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép các tổ chức thuộc Bộ, ngành Trung ương và địa phương khác đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện trên địa bàn tỉnh.

6. Thẩm định dự thảo Quyết định thành lập, kiện toàn, giải thể các tổ chức mang tính phối hợp liên ngành cấp tỉnh, gồm: Hội đồng, Ban chỉ đạo, Ban quản lý dự án, Ban điều hành.

7. Xây dựng kế hoạch biên chế công chức, tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp trong cơ quan, đơn vị của tỉnh hàng năm.

8. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt biên chế công chức, tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập hàng năm của tỉnh sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ.

9. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện điều chuyển, sắp xếp trong số biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập được giao khi thành lập tổ chức hoặc giao nhiệm vụ mới, được tăng quy mô hoạt động.

10. Thông báo biên chế công chức, tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

11. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định biên số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tổ chức bộ máy và biên chế.

12. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tổ chức bộ máy, sử dụng biên chế công chức, số lượng vị trí việc làm, số lượng người làm việc đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp trực thuộc trên địa bàn tỉnh.

13. Hướng dẫn sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

14. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý biên chế công chức, viên chức thuộc thẩm quyền.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở và tương đương

1. Xây dựng đề án và dự thảo quyết định kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở; đề án thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, thay đổi tên gọi các tổ chức, đơn vị của Sở theo quy định của pháp luật và gửi về Sở Nội vụ thẩm định, sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, thay đổi tên gọi các tổ chức, đơn vị thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc ủy quyền.

3. Ban hành Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng, phòng chuyên môn nghiệp vụ, chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, tổ chức và đơn vị có tư cách pháp nhân và con dấu riêng trực thuộc chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.

4. Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của cơ quan; phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, trừ các trường hợp đặc biệt do văn bản pháp luật quy định khác.

5. Lập thủ tục đề nghị Sở Nội vụ thẩm định dự thảo quyết định thành lập, kiện toàn, giải thể các tổ chức mang tính phối hợp liên ngành cấp tỉnh. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung, thay đổi thành viên các tổ chức mang tính phối hợp liên ngành cấp tỉnh, gồm: Hội đồng, ban chỉ đạo, ban quản lý dự án, ban điều hành do Sở, ngành làm thường trực.

6. Xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc của cơ quan, đề án vị trí việc làm, hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị trực thuộc.

7. Phấn đấu biên chế công chức cho các phòng, ban chuyên môn, chi cục trực thuộc sở, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp sau khi có thông báo của Sở Nội vụ; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về tình hình quản lý và sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp và hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.

8. Được tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập được giao theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng vị trí việc làm, số lượng người làm việc đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

10. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý biên chế công chức, viên chức thuộc thẩm quyền.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, theo quy định của Trung ương và hướng dẫn của các Sở chuyên ngành.

2. Phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, đổi tên các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi về Sở Nội vụ

thẩm định, sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc ủy quyền.

3. Quyết định thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể: các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở trực thuộc huyện, trên cơ sở quy hoạch mạng lưới ngành giáo dục đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và có thỏa thuận bằng văn bản với Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Quyết định thành lập, kiện toàn, bổ sung, thay đổi thành viên, giải thể các tổ chức mang tính phối hợp liên ngành cấp huyện, gồm: Hội đồng, Ban chỉ đạo, Ban quản lý dự án, Ban điều hành.

5. Xây dựng kế hoạch biên chế công chức, đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị của huyện hàng năm.

6. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chế độ thống kê và báo cáo về tình hình thực hiện quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập của huyện hàng năm theo quy định.

8. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức, số lượng vị trí việc làm, số lượng người làm việc đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý biên chế công chức, viên chức thuộc thẩm quyền.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức liên quan có trách nhiệm thực hiện việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế theo quy định này đồng thời cụ thể hoá việc phân công, phân cấp quản lý cho các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Sở Nội vụ và các cơ quan chức năng có liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc đề nghị các các ngành, các cấp kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương. /g

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Tân

